

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN RA QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP Khóa 46 (Đợt 2)  
(Tháng 05 năm 2025)

\* Sinh viên cần hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định để có thể được xem xét ra Quyết định công nhận tốt nghiệp

| STT | Mã SV  | Họ và Tên      |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Năm TN | STC TL | Điểm TBC TL Hệ 10 | Điểm TBC TL Hệ 4 | Xếp hạng TN | Ngành | Ngoại ngữ | Điều kiện về QPAN | Điều kiện về GDTC | Điều kiện về thư viện | Điều kiện về học phí | Tình trạng kỷ luật |
|-----|--------|----------------|-------|------------|-----------|-----------|---------|-----------|--------|--------|-------------------|------------------|-------------|-------|-----------|-------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|
| 1   | 460105 | Lê Văn         | Anh   | 30/04/2003 | Vĩnh Phúc | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.21              | 3.35             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 2   | 460106 | Nguyễn Phương  | Anh   | 22/12/2003 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.20              | 3.38             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 3   | 460107 | Nguyễn Quốc    | Anh   | 25/04/2003 | Hà Nội    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.97              | 3.69             | Xuất sắc    | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 4   | 460113 | Hoàng Ngọc Bảo | Chung | 09/07/2003 | Yên Bái   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.30              | 3.38             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 5   | 460120 | Phạm Nguyệt    | Hà    | 12/11/2003 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.25              | 3.38             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 6   | 460122 | Phan Thị Mỹ    | Hạnh  | 19/10/2003 | Hải Dương | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.81              | 3.66             | Xuất sắc    | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 7   | 460124 | Nguyễn Minh    | Hiếu  | 05/12/2003 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.39              | 3.50             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 8   | 460125 | Mai Đức        | Hoàng | 16/02/2003 | Nam Định  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.15              | 3.35             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 9   | 460128 | Lê Minh        | Hưng  | 15/12/2003 | Phú Thọ   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.03              | 3.24             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 10  | 460129 | Hà Thị         | Khánh | 22/09/2003 | Phú Thọ   | Nữ        | Mường   | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.98              | 3.24             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 11  | 460142 | Hoàng Anh      | Quang | 26/10/2003 | Thanh Hoá | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.91              | 3.18             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 12  | 460147 | Lường Văn      | Thư   | 07/10/2003 | Điện Biên | Nam       | Thái    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 7.90              | 3.19             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 13  | 460149 | Nguyễn Thị Thu | Trang | 07/06/2003 | Thanh Hoá | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.07              | 3.25             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 14  | 460153 | Đặng Hải       | Yến   | 15/04/2003 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.25              | 3.40             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 805000            | Không có           |
| 15  | 460158 | Nhâm Hồ Khánh  | Linh  | 22/06/2003 | Thái Bình | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.30              | 3.40             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 16  | 460159 | Trần Ánh       | Linh  | 15/07/2003 | Thanh Hoá | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.09              | 3.27             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1449000           | Không có           |
| 17  | 460201 | Nguyễn Thuý    | An    | 04/05/2003 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.28              | 3.42             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 18  | 460202 | Cao Phương     | Anh   | 14/11/2003 | Hà Giang  | Nữ        | Tây     | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.74              | 3.13             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 19  | 460204 | Nguyễn Phương  | Anh   | 23/05/2003 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 7.99              | 3.25             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1449000           | Không có           |

| STT | Mã SV  | Họ và Tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Năm TN | STC TL | Điểm TBC TL Hệ 10 | Điểm TBC TL Hệ 4 | Xếp hạng TN | Ngành | Ngoại ngữ | Điều kiện về QPAN | Điều kiện về GDTC | Điều kiện về thư viện | Điều kiện về học phí | Tình trạng kỷ luật |
|-----|--------|----------------------|------------|-------------|-----------|---------|-----------|--------|--------|-------------------|------------------|-------------|-------|-----------|-------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|
| 20  | 460223 | Nguyễn Gia Phú Hưng  | 05/04/2003 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 148    | 8.59              | 3.57             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1932000           | Không có           |
| 21  | 460224 | Tạ Thùy Hương        | 21/12/2003 | Hoà Bình    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.18              | 3.33             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 22  | 460227 | Dương Thị Khánh Linh | 02/09/2003 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.94              | 3.27             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 23  | 460228 | Hoàng Khánh Linh     | 01/09/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.04              | 3.26             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 24  | 460229 | Nguyễn Thị Mai Linh  | 06/11/2003 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.22              | 3.38             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 25  | 460230 | Trần Khánh Linh      | 13/04/2003 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.43              | 3.47             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 805000            | Không có           |
| 26  | 460238 | Nguyễn Hồng Nhung    | 03/09/2003 | Yên Bái     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.11              | 3.36             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 27  | 460241 | Vũ Thị Ánh Quyên     | 01/06/2003 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.16              | 3.31             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 28  | 460244 | Nguyễn Thị Hoài Thu  | 10/06/2003 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.12              | 3.32             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 805,000           | Không có           |
| 29  | 460256 | Trần Minh Thu        | 02/04/2003 | Hà Nam      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.24              | 3.38             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322,000           | Không có           |
| 30  | 460262 | Nguyễn Thị Uyên      | 22/06/2003 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.12              | 3.32             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 805,000           | Không có           |
| 31  | 460304 | Nguyễn Phương Anh    | 07/09/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.47              | 3.49             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483,000           | Không có           |
| 32  | 460310 | Vũ Ánh Dương         | 07/05/2003 | Thái Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 141    | 8.66              | 3.56             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 805000            | Không có           |
| 33  | 460335 | Hà Thị Thu Nga       | 09/07/2003 | Phú Thọ     | Nữ        | Mường   | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.01              | 3.26             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1127000           | Không có           |
| 34  | 460340 | Đỗ Hoàng Quân        | 25/03/2003 | Thanh Hoá   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 139    | 7.99              | 3.24             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 35  | 460356 | Hoàng Thị Thu Hoài   | 03/07/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.26              | 3.40             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 36  | 460358 | Đỗ Thị Thu Huyền     | 23/02/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.34              | 3.42             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 37  | 460362 | Ngô Thị Bảo Ngọc     | 24/02/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.10              | 3.31             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 38  | 460401 | Nguyễn Thị Vân Anh   | 03/11/2003 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.42              | 3.47             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 39  | 460406 | Nguyễn Thục Đoan     | 12/11/2003 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.24              | 3.37             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 40  | 460409 | Nguyễn Thị Thu Hà    | 01/08/2003 | Hải Dương   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.34              | 3.40             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 41  | 460411 | Phạm Thị Thu Hằng    | 22/02/2003 | Hải Dương   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.74              | 3.63             | Xuất sắc    | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |

| STT | Mã SV  | Họ và Tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Năm TN | STC TL | Điểm TBC TL Hệ 10 | Điểm TBC TL Hệ 4 | Xếp hạng TN | Ngành | Ngoại ngữ | Điều kiện về QPAN | Điều kiện về GDTC | Điều kiện về thư viện | Điều kiện về học phí | Tình trạng kỷ luật |
|-----|--------|-----------------------|------------|------------|-----------|---------|-----------|--------|--------|-------------------|------------------|-------------|-------|-----------|-------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|
| 42  | 460451 | Nguyễn Thị Thái Vân   | 04/12/2003 | Ninh Bình  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.01              | 3.27             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 43  | 460504 | Nguyễn Thị Kim Anh    | 08/08/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.45              | 3.48             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 44  | 460510 | Nguyễn Hữu Đạt        | 27/05/2003 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.09              | 3.30             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 45  | 460515 | Nguyễn Xuân Hiếu      | 04/03/2003 | Quảng Ninh | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.18              | 3.36             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 46  | 460521 | Kiều Thị Thanh Huyền  | 06/04/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 137    | 8.70              | 3.58             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 47  | 460522 | Lê Thị Thu Huyền      | 24/08/2003 | Thanh Hoá  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.32              | 3.39             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 48  | 460527 | Nguyễn Thùy Linh      | 04/06/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.61              | 3.56             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 49  | 460530 | Lê Hương Ly           | 15/04/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.98              | 3.26             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 50  | 460533 | Lê Bảo Ngọc           | 19/11/2003 | Nam Định   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.07              | 3.24             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 51  | 460534 | Nguyễn Hải Ngọc       | 15/08/2003 | Hoà Bình   | Nữ        | Mường   | Việt Nam  | 2025   | 131    | 7.80              | 3.14             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 52  | 460535 | Nguyễn Thị Thu Nguyệt | 02/11/2003 | Bắc Giang  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.21              | 3.33             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 53  | 460536 | Nguyễn Thị Nhung      | 26/12/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 7.96              | 3.22             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 54  | 460537 | Trần Hồng Phúc        | 31/03/2002 | Lai Châu   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.23              | 3.34             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 55  | 460540 | Lưu Văn Thanh         | 02/10/2003 | Vĩnh Phúc  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.69              | 3.55             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 56  | 460552 | Nguyễn Đức Việt       | 12/05/2003 | Hà Nội     | Nam       | Tây     | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.08              | 3.32             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 57  | 460562 | Đặng Tiến Sơn         | 27/12/2003 | Bắc Ninh   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.47              | 3.45             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 58  | 460604 | Nguyễn Trần Ngọc Anh  | 06/10/2003 | Nam Định   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.23              | 3.39             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1771000           | Không có           |
| 59  | 460619 | Đỗ Chí Hùng           | 16/09/2003 | Phú Thọ    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.15              | 3.34             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 60  | 460626 | Nguyễn Thùy Linh      | 24/09/2003 | Bắc Ninh   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.39              | 3.46             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 61  | 460628 | Lò Thị Khánh Ly       | 01/12/2003 | Sơn La     | Nữ        | Thái    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 7.94              | 3.23             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 62  | 460629 | Đoàn Thanh Mai        | 27/03/2003 | Hải Dương  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.22              | 3.35             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 63  | 460643 | Nguyễn Thị Minh Tâm   | 09/07/2003 | Nghệ An    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.30              | 3.42             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |

| STT | Mã SV  | Họ và Tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Năm TN | STC TL | Điểm TBC TL Hệ 10 | Điểm TBC TL Hệ 4 | Xếp hạng TN | Ngành | Ngoại ngữ | Điều kiện về QPAN | Điều kiện về GDTC | Điều kiện về thư viện | Điều kiện về học phí | Tình trạng kỷ luật |
|-----|--------|----------------------|------------|-------------|-----------|---------|-----------|--------|--------|-------------------|------------------|-------------|-------|-----------|-------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|
| 64  | 460702 | Dương Hoài Anh       | 26/11/2003 | Nam Định    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 144    | 8.02              | 3.27             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 2737000           | Không có           |
| 65  | 460705 | Vũ Phương Anh        | 20/01/2003 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 140    | 7.93              | 3.20             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 66  | 460710 | Đồng Thị Ánh Dương   | 31/01/2003 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.22              | 3.40             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 67  | 460724 | Trịnh Thị Liên       | 11/06/2003 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.45              | 3.49             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1288000           | Không có           |
| 68  | 460732 | Trần Tuấn Minh       | 02/05/2003 | Hải Dương   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 7.95              | 3.21             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 69  | 460737 | Trần Thu Nhật        | 04/10/2003 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.16              | 3.30             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 70  | 460748 | Lưu Thị Trang        | 03/07/2003 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.31              | 3.42             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 71  | 460804 | Vũ Quỳnh Anh         | 26/05/2003 | Hải Dương   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.07              | 3.27             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 72  | 460806 | Tạ Thùy Chi          | 26/08/2003 | Gia Lai     | Nữ        | Mường   | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.03              | 3.27             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 73  | 460835 | Nguyễn Hồng Ngọc     | 01/02/2003 | Thanh Hoá   | Nữ        | Kinh    | Viet Nam  | 2025   | 130    | 8.18              | 3.34             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 74  | 460838 | Đặng Minh Phương     | 22/06/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 136    | 7.90              | 3.17             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 75  | 460846 | Nguyễn Minh Thủy     | 01/01/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.10              | 3.25             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 76  | 460848 | Hoắc Thị Trang       | 25/08/2003 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.17              | 3.33             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 77  | 460849 | Trần Thị Thu Trang   | 24/10/2003 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.20              | 3.36             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1127000           | Không có           |
| 78  | 460851 | Hoàng Thị Tú Uyên    | 03/11/2003 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.06              | 3.27             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 79  | 460902 | Chu Minh Anh         | 31/01/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.37              | 3.43             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 80  | 460906 | Lê Thị Minh Châu     | 07/06/2003 | Thái Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.32              | 3.37             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 81  | 460910 | Vũ Thành Đạt         | 04/10/2003 |             | Nam       | Kinh    |           | 2025   | 130    | 8.20              | 3.33             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 82  | 460914 | Nguyễn Thị Thúy Hiền | 03/10/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Nùng    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 7.97              | 3.23             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1127000           | Không có           |
| 83  | 460916 | Nguyễn Thị Huyền     | 08/01/2003 | Vĩnh Phúc   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.99              | 3.25             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1127000           | Không có           |
| 84  | 460920 | Nguyễn Anh Tuấn Lan  | 28/09/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 138    | 8.26              | 3.39             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1449000           | Không có           |
| 85  | 460921 | Lê Ngọc Phương Linh  | 01/07/2002 | Thanh Hoá   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.28              | 3.39             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |

| STT | Mã SV  | Họ và Tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Năm TN | STC TL | Điểm TBC TL Hệ 10 | Điểm TBC TL Hệ 4 | Xếp hạng TN | Ngành | Ngoại ngữ | Điều kiện về QPAN | Điều kiện về GDTC | Điều kiện về thư viện | Điều kiện về học phí | Tình trạng kỷ luật |
|-----|--------|----------------------|------------|------------|-----------|---------|-----------|--------|--------|-------------------|------------------|-------------|-------|-----------|-------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|
| 86  | 460922 | Phạm Thị Thục Linh   | 20/09/2003 | Nghệ An    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 135    | 8.25              | 3.38             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 87  | 460929 | Nguyễn Duy Hà Ngân   | 22/12/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.51              | 3.50             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 3381000           | Không có           |
| 88  | 460935 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | 08/09/2003 | Hà Tĩnh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.16              | 3.30             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 89  | 460950 | Nguyễn Tài Tú        | 05/09/2003 | Ninh Bình  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 7.86              | 3.16             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 90  | 461006 | Phạm Mỹ Anh          | 02/01/2003 | Quảng Ninh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.45              | 3.50             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 91  | 461008 | Cát Ngọc Linh Chi    | 23/11/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.53              | 3.52             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 92  | 461031 | Nguyễn Thị Hà My     | 06/01/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 133    | 8.07              | 3.29             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 805000            | Không có           |
| 93  | 461048 | Lê Minh Trang        | 25/10/2003 | Hà Nam     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 136    | 7.96              | 3.21             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1127000           | Không có           |
| 94  | 461050 | Hoàng Anh Tuấn       | 13/02/2002 | Phú Thọ    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 7.81              | 3.16             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 95  | 461104 | Nguyễn Đức Anh       | 03/07/2003 | Bắc Ninh   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.36              | 3.43             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 96  | 461105 | Phạm Minh Anh        | 02/10/2003 | Quảng Ninh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.98              | 3.25             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1288000           | Không có           |
| 97  | 461113 | Nguyễn Thu Hà        | 26/09/2003 | Hà Nam     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 141    | 7.94              | 3.21             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1771000           | Không có           |
| 98  | 461116 | Nguyễn Thị Ngọc Hoa  | 14/05/2003 | Bắc Ninh   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.26              | 3.36             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 99  | 461118 | Trần Thị Thu Huyền   | 10/10/2003 | Nam Định   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.21              | 3.38             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 100 | 461123 | Đinh Diệu Linh       | 26/06/2003 |            | Nam       | Kinh    |           | 2025   | 130    | 8.01              | 3.23             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 101 | 461127 | Trần Lý Ly           | 11/11/2003 | Nam Định   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.18              | 3.36             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 102 | 461128 | Lê Nhật Minh         | 10/02/2003 | Hưng Yên   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.09              | 3.26             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 103 | 461129 | Phạm Hà My           | 22/10/2003 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.41              | 3.49             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 104 | 461137 | Nguyễn Mạnh Quỳnh    | 27/03/2003 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 135    | 8.04              | 3.26             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 105 | 461154 | Nông Bế Định         | 24/12/2002 | Cao Bằng   | Nam       | Tày     | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.32              | 2.85             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 106 | 461220 | Trần Bá Khôi         | 01/11/2003 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.41              | 3.46             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 107 | 461252 | Trần Thị Thanh Xuân  | 10/06/2003 | Thái Bình  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 139    | 7.98              | 3.20             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |

| STT | Mã SV  | Họ và Tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Năm TN | STC TL | Điểm TBC TL Hệ 10 | Điểm TBC TL Hệ 4 | Xếp hạng TN | Ngành | Ngoại ngữ | Điều kiện về QPAN | Điều kiện về GDTC | Điều kiện về thư viện | Điều kiện về học phí | Tình trạng kỷ luật |
|-----|--------|-----------------------|------------|-------------|-----------|---------|-----------|--------|--------|-------------------|------------------|-------------|-------|-----------|-------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|
| 108 | 461257 | Nguyễn Hà Linh        | 30/11/2002 | Yên Bái     | Nữ        | Tày     | Viet nam  | 2025   | 131    | 7.32              | 2.82             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 2254000           | Không có           |
| 109 | 461258 | Đỗ Bảo Ngọc           | 03/09/2002 | Tuyên Quang | Nữ        | Dao     | Việt Nam  | 2025   | 132    | 6.96              | 2.63             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 2093000           | Không có           |
| 110 | 461261 | Lâm Quỳnh Trang       | 30/04/2002 | Lạng Sơn    | Nữ        | Nùng    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 7.63              | 3.05             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 111 | 462836 | Trần Thanh Thảo       | 26/02/2003 |             | Nữ        | Kinh    |           | 2025   | 129    | 8.11              | 3.29             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 112 | 461301 | Vũ Hà An              | 22/10/2003 | Quảng Ninh  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.75              | 3.09             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 113 | 461310 | Nguyễn Trung Dũng     | 01/11/2002 | Thái Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.50              | 3.48             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 114 | 461321 | Vũ Quốc Khánh         | 27/10/2003 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.93              | 3.68             | Xuất sắc    | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 115 | 461325 | Trần Nhật Linh        | 08/06/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Sán Diu | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.31              | 2.87             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 966000            | Không có           |
| 116 | 461327 | Dương Thị Thu Mai     | 06/09/2003 | Thái Nguyên | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.25              | 3.36             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 117 | 461329 | Nguyễn Bình Minh      | 21/11/2003 | Thái Nguyên | Nam       | Tày     | Việt Nam  | 2025   | 132    | 7.52              | 2.95             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1127000           | Không có           |
| 118 | 461333 | Trần Xuân Ngọc        | 12/03/2002 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 8.01              | 3.25             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 119 | 461337 | Chu Thúy Quỳnh        | 20/10/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.44              | 3.48             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 120 | 461340 | Nguyễn Trường Thành   | 18/04/2003 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.54              | 3.50             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 121 | 461344 | Đặng Hoài Thương      | 26/07/2003 | Lai Châu    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.07              | 3.29             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 122 | 461352 | Cao Như Ý             | 14/12/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.90              | 3.16             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 483000            | Không có           |
| 123 | 461404 | Phan Hoàng Tú Anh     | 28/03/2003 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.48              | 3.49             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 805000            | Không có           |
| 124 | 461417 | Đỗ Thị Hào            | 29/06/2003 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 139    | 8.00              | 3.24             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1449000           | Không có           |
| 125 | 461421 | Nguyễn Quang Huy      | 17/11/2003 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.97              | 3.22             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 805000            | Không có           |
| 126 | 461422 | Phan Ngọc Khánh Huyền | 31/10/2003 | Quảng Trị   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 134    | 7.95              | 3.23             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 127 | 461424 | Vũ Thị Minh Huyền     | 28/08/2003 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 7.68              | 3.05             | Khá         | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 128 | 461443 | Nguyễn Phương Thảo    | 02/10/2003 | Vĩnh Phúc   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 7.95              | 3.21             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 129 | 461454 | Trần Thùy Linh        | 20/10/2003 | Hà Tĩnh     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.03              | 3.27             | Giỏi        | Luật  | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |

| STT | Mã SV  | Họ và Tên          | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Năm TN | STC TL | Điểm TBC TL Hệ 10 | Điểm TBC TL Hệ 4 | Xếp hạng TN | Ngành        | Ngoại ngữ | Điều kiện về QPAN | Điều kiện về GDTC | Điều kiện về thư viện | Điều kiện về học phí | Tình trạng kỷ luật |
|-----|--------|--------------------|------------|-------------|-----------|---------|-----------|--------|--------|-------------------|------------------|-------------|--------------|-----------|-------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|
| 130 | 461512 | Vũ Thành Đạt       | 10/03/2003 | Quảng Ninh  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 134    | 8.03              | 3.24             | Giỏi        | Luật         | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 1127000           | Không có           |
| 131 | 461602 | Nguyễn Hà Anh      | 12/07/2003 | Hoà Bình    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 133    | 8.06              | 3.25             | Giỏi        | Luật         | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 132 | 461613 | Bùi Việt Hà        | 28/09/2003 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.00              | 3.23             | Giỏi        | Luật         | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 133 | 461619 | Ngô Việt Hoàng     | 20/12/2003 | Bắc Giang   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.27              | 3.39             | Giỏi        | Luật         | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 134 | 461626 | Cao Khánh Linh     | 22/08/2003 | Hoà Bình    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.01              | 3.21             | Giỏi        | Luật         | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 135 | 461653 | Sầm Mỹ Hạnh        | 04/02/2003 | Cao Bằng    | Nữ        | Nùng    | Việt Nam  | 2025   | 131    | 7.95              | 3.21             | Giỏi        | Luật         | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 136 | 461660 | Nguyễn Minh Thư    | 17/02/2003 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 137    | 8.25              | 3.38             | Giỏi        | Luật         | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 137 | 461701 | Nguyễn Mạnh Huy An | 28/04/2003 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 7.84              | 3.18             | Khá         | Luật kinh tế | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 138 | 461744 | Phạm Thị Như Quỳnh | 27/05/2003 | Quảng Bình  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.08              | 3.28             | Giỏi        | Luật kinh tế | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 139 | 461853 | Nguyễn Thu Trà     | 19/10/2003 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.09              | 3.29             | Giỏi        | Luật kinh tế | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 140 | 461910 | Trần Anh Duy       | 24/06/2003 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 130    | 8.34              | 3.46             | Giỏi        | Luật kinh tế | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 141 | 461950 | Hoàng Văn Tiến     | 09/05/1998 | Nghệ An     | Nam       | Thô (4) | Việt Nam  | 2025   | 130    | 7.99              | 3.20             | Giỏi        | Luật kinh tế | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 142 | 462101 | Lê Thị Thúy An     | 11/05/2003 | Nam Định    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.01              | 3.22             | Giỏi        | Luật kinh tế | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 322000            | Không có           |
| 143 | 462137 | Hà Trang Nhung     | 03/02/2003 | Tuyên Quang | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 2025   | 129    | 8.13              | 3.30             | Giỏi        | Luật kinh tế | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |
| 144 | 462242 | Trần Diệu Thúy     | 28/09/2003 | Thái Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 2025   | 132    | 8.41              | 3.42             | Giỏi        | Luật kinh tế | Đạt       | Đạt               | Đạt               | Không nợ sách         | NỢ 644000            | Không có           |

Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2025

**TT Công nghệ thông tin và thư viện**  
(họ tên và chữ ký)  
(Đã ký)

**Phòng Tài chính - quản trị**  
(họ tên và chữ ký)  
(Đã ký)

**Phòng Công tác sinh viên**  
(họ tên và chữ ký)  
(Đã ký)

**Phòng Đào tạo đại học**  
(họ tên và chữ ký)  
(Đã ký)

**Người lập biểu**  
(họ tên và chữ ký)  
(Đã ký)